

Số: 40/2018/HS-ST

Ngày 05/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Kỳ Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tân Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44 /2018/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức Tr ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14 tháng 12 năm 1987 tại Ch, Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện Ch, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 8/12.

Con ông Nguyễn Hồ B, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962 (đã chết).

Gia đình có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1983, bị can là con út trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp tài sản theo Bản án số 42/2012/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/4/2015.

- Ngày 09/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; hình phạt bổ sung: phạt 5.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước theo Bản án số 85/2018/HS-ST. Hiện chưa nộp án phí HSST và hình phạt bổ sung.

- Ngày 26.7.2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch ra Quyết định khởi tố bị can số 321 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 258 ngày 27/7/2018 (từ ngày 27/7/2018 đến ngày 27/9/2018).

Bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 16/HSST-QĐTG ngày 19/10/2018. Có mặt

2. Phùng Xuân T ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08 tháng 01 năm 1989 tại Ch, Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Ch, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 7/12.

Con ông Phùng Xuân D, sinh năm 1956 và bà Trịnh Thị D, sinh năm 1958

Gia đình có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1991, bị can là con thứ tư trong gia đình.

Có vợ là Bùi Thị Ph, sinh năm 1995.

Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

- Ngày 26/7/2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, thành phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố bị can số 323 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 257 ngày 26/7/2018 (từ ngày 26/7/2018 đến ngày 26/9/2018).

Bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 17/HSST-QĐTG ngày 19/10/2018. Có mặt.

Bị hại: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện Ch, thành phố Hà Nội.

Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người làm chứng:

Anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Xóm 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/8/2018, Phùng Xuân T, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện Ch, Hà Nội đi taxi từ nhà mình ở thôn V đến nhà Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Ch, Hà Nội rủ Tr đi vào nhà vợ T ở xã I, huyện L, Hòa Bình chơi. Tr đồng ý và giao xe mô tô không biển kiểm soát cho T điều khiển. T chở Tr đi theo đường Hồ Chí Minh rồi rẽ vào đường liên xã Đ đi xã I huyện L. Khi đi đến Phòng giao dịch Ngân hàng Agribank thuộc Q, xã Đ, huyện L, Hòa Bình, lúc này khoảng 15 giờ 30 phút thì Tr và T thấy có nhiều xe mô tô đỗ trong sân trước cửa Phòng giao dịch không có người trông coi nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. T điều khiển xe mô tô đi vào trong sân trước cửa Phòng giao dịch

rồi dừng lại để cả hai xuống quan sát. T chỉ vào chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.xx của chị Bùi Thị D, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: thôn B, xã E, huyện L, Hòa Bình và nói với Tr: “Mở thử con kia xem có được không?” (Khi T nói vậy Tr hiểu là T muốn Tr ra phá khóa chiếc xe mô tô trên để lấy trộm). Tr quan sát xung quanh thấy có phòng bảo vệ và một số người đi lại ngoài đường nên nói với T: “Mày ra dắt con xe đẩy ra góc tường để tao ra lấy đồ”. Nói xong Tr điều khiển xe mô tô đi ra ngoài đường mở cốp xe lấy 01 chiếc tuốc nơ vít dài khoảng 20cm, phần tay cầm bằng cao su màu vàng, phần đầu bằng kim loại màu trắng, mũi dẹt dạng hai cạnh để vào túi quần trước bên phải rồi lấy điện thoại nhắn tin cho T với nội dung: “*Nhanh lên ko nhanh chu xe nó ra không lấy được đâu*” (tin nhắn trên có nghĩa là: Nhanh lên không nhanh chủ xe nó ra không lấy được đâu). Khi Tr điều khiển xe đi ra ngoài đường lấy tuốc nơ vít thì T đi đến gần và dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.33 của chị D ra khỏi vị trí ban đầu khoảng 04m đến góc tường đầu nhà bên phải theo hướng từ ngoài vào để ở đó rồi đi ra chỗ bậc lên xuống Phòng giao dịch ngồi chờ. Khi thấy Tr điều khiển xe mô tô đi vào sân trước của Phòng giao dịch cách chỗ T khoảng 10m để xe ở đó rồi đến chỗ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.33 thực hiện hành vi phá khóa, T đi ra chỗ xe mô tô mà cả hai vừa đi rồi ngồi đợi trên xe và quan sát xung quanh cảnh giới cho Tr phá khóa. Trướng đi đến xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.33 rồi lấy tuốc nơ vít ra chọc vào ổ khóa điện để phá khóa, Tr phá nát ổ khóa điện nhưng vẫn không mở được. Tr đi đến chỗ xe mô tô T đang đứng chờ và bảo T: Đi thôi không phá được đâu. Sau đó Tr lên xe mô tô ngồi sau T, T điều khiển xe mô tô chạy theo hướng Đ – L.

Thời điểm Tr dùng tuốc nơ vít phá ổ khóa điện xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.xx của chị D thì có anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã Đ, huyện L, Hòa Bình từ trong phòng giao dịch đi ra thấy T đang ngồi trên xe mô tô quan sát xung quanh và thấy Tr đang đứng cạnh xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.xx gần ổ khóa điện, nghi cả hai trộm cắp nên khi thấy Tr từ chiếc xe mô tô của chị D đi sang phía T đang ngồi chờ trên xe máy, anh H liền đi sang chỗ xe mô tô của chị D thấy ổ khóa bị phá nát, anh H liền hô hoán mọi người rồi điều khiển xe mô tô đuổi theo Tr và T, trên đường đuổi theo anh H đã gọi điện báo cho Công an xã G phối hợp bắt giữ Tr và T. Nhận được tin báo, Công an xã G phối hợp Công an huyện Lương Sơn lập chốt chặn và bắt được T và Tr tại đường liên xã thuộc xóm Đ, xã G, huyện L, Hòa Bình. Sau đó tổ công tác đã đưa Tr và T về UBND xã G lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 13/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Lương Sơn, Hòa Bình kết luận: “Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.xx có giá trị tại thời điểm định giá là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng)”.

Phía người bị hại chị Bùi Thị D không có đề nghị gì về dân sự.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu LONCIN mà các bị cáo dùng làm phương tiện ngày 06/8/2018 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956, hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện Ch, Hà Nội. Chiếc xe mô tô này bà Đ cho cháu họ là Nguyễn Đình N, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã T, huyện Ch, Hà Nội mượn làm phương tiện đi lại, sau đó N cho Tr mượn làm phương tiện đi lại. Hiện tại anh N đi làm ăn không có mặt tại địa phương.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 28G1-154.xx nhãn hiệu HONDA, kiểu xe wave, màu xanh đen bạc. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị D;
- 01 (một) ổ khóa điện xe mô tô đã bị phá nát;

- 01 (một) điện thoại di động màu đen viền đỏ nhãn hiệu WING của Phùng Xuân T;
- 01 (một) điện thoại di động màu đỏ viền đen, nhãn hiệu VIETTEL của Nguyễn Đức Tr;

- 01 (một) xe mô tô không biển kiểm soát nhãn hiệu LONCIN, kiểu xe Dream, màu nâu, không có cánh yếm hai bên, không có gương chiếu hậu của bà Nguyễn Thị Đ.

- 01 (một) quần bò màu xanh chiều dài 99cm, vòng bụng 80cm. Tại vị trí mặt trong phía sau cạp quần có chữ LEAP'S màu trắng của Nguyễn Đức Tr.

- 01 (một) áo phông cộc tay màu đen chiều dài 73cm, chiều rộng vai áo 43cm của Nguyễn Đức Tr.

- 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh nhạt chiều dài 80cm, bề rộng vai áo 48cm của Phùng Xuân T;

- 01 (một) quần dài (dạng quần vải thô) chiều dài 104cm, vòng bụng 88cm. Tại vị trí túi quần phía trước bên trái có mác màu đen, chữ vàng MXUER của Phùng Xuân T;

- Đối với 01 (một) tuốc nơ vít dài khoảng 20cm, phần tay cầm bằng cao su màu vàng, phần đầu bằng kim loại màu trắng, mũi dẹt dạng hai cạnh. Nguyễn Đức Tr khai sau khi phạm tội trên đường bỏ chạy Tr đã vứt xuống mương nước bên tay phải đường. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận tội như cáo trạng đã truy tố.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Tr và Phùng Xuân T như trong nội dung Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đức Tr từ 12 – 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 21 tháng tù và hình phạt bổ sung phạt tiền 5.000.000đ tại bản án số 85/2018/HS-ST ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ch, Hà Nội đối với Nguyễn Đức Tr, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 15, Điều 57, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt Phùng Xuân T từ 09 – 12 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị D đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa điện xe mô tô đã hỏng, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động; trả lại quần, áo cho các bị cáo; trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 01 xe mô tô không biển kiểm soát. Đối với xe mô tô 28G1-154.xx là tài sản hợp pháp của chị D, đã được trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập xử lý. Đối với chiếc tuốc nơ vít các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, bị cáo Tr đã vứt lại trên đường bỏ chạy, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Trong phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Đức Tr đưa ra ý kiến tranh luận cho rằng các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản, sau đó đã bỏ đi, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Phùng Xuân T không có lời tự bào chữa.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lương Sơn, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Bị hại Bùi Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của chị Diễm có lý do chính đáng và không cản trở đến việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt chị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bà Đ không cản trở cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bà Đ.

Người làm chứng Trịnh Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của anh H không cản trở cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức Tr, Phùng Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút, tại Phòng giao dịch Ngân hàng AGRIBANK thuộc địa phận Q, xã Đ, huyện L, Hòa Bình, Nguyễn Đức Tr và Phùng Xuân T đã có hành vi lén lút di chuyển khỏi vị trí ban đầu, sau đó dùng tuốc nơ vít phá khóa điện xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 28G1-154.xx trị giá 13.000.000đ của chị Bùi Thị D nhằm chiếm đoạt tài sản một cách bất hợp pháp. Do không phá được khóa điện nên các bị cáo đã bỏ đi. Hành vi của Tr và T ngay sau đó bị anh Trịnh Ngọc H phát hiện, truy hô, sau đó Tr và T bị Công an xã G, huyện Lương Sơn bắt giữ và lập biên bản phạm tội quả tang.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Mặc dù các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nhưng là ngoài ý muốn của các bị cáo do đó hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Tr và Phùng Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[6] Về tính chất, mức độ phạm tội và quyết định hình phạt:

Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản các bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp, không có sự bàn bạc, phân công từ trước, do đó hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có vai trò như nhau.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức Tr là người trực tiếp thực hiện hành vi phá khóa điện xe mô tô. Về nhân thân của bị cáo thấy rằng bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 16/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp tài sản theo Bản án số 42/2012/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/4/2015. Khi cùng Phùng Xuân T thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 06/8/2018, Nguyễn Đức Tr đã bị Tòa án nhân dân huyện Ch, Hà Nội xử phạt 21 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 85/2018/HS-ST ngày 09/7/2018. Do tại thời điểm đó bản án chưa có hiệu lực thi hành nên bị cáo được coi là chưa có tiền án. Ngoài ra, ngày 26/7/2018 Nguyễn Đức Tr còn bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch ra Quyết định khởi tố bị can số 321 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 258 ngày 27/7/2018 (từ ngày 27/7/2018 đến ngày 27/9/2018), đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học để tu tỉnh, rèn luyện bản thân và tu chí làm ăn nhưng do lối sống buông thả, thích ăn chơi, hưởng thụ nên bị cáo vẫn tiếp tục lần sâu vào con đường phạm tội. Mặc dù đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo vẫn không chấp hành, điều đó thể hiện bị cáo đã thái độ bất chấp và coi thường pháp luật. Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án là như nhau, tuy nhiên bị cáo Trương là người có nhân thân xấu, do đó phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo Tư, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng và có thời gian cách ly bị cáo mới có tác dụng răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nên cần áp dụng các quy định về phạm tội chưa đạt, xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi áp dụng hình phạt.

Đối với bị cáo Phùng Xuân T: Là người đã dắt xe mô tô ra chỗ khuất để bị cáo Tr phá khóa điện nhằm tránh sự phát hiện của người khác, sau đó đứng cạnh giới cho trưởng, như vậy bị cáo T là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, đồng thời cũng là người thực hiện. Cũng như bị cáo Tr, ngày 26/7/2018 bị cáo T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, thành phố Hà Nội ra Quyết định khởi tố bị can số 323 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch, thành phố Hà Nội áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 257 ngày 26/7/2018 (từ ngày 26/7/2018 đến ngày 26/9/2018) song bị cáo vẫn không chấp hành và cùng với bị cáo Trương tiếp tục có hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự coi thường pháp luật Xét thấy

cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, cần có thời gian cách ly bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục. Do các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nên cần áp dụng các quy định về phạm tội chưa đạt, xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi áp dụng hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ không có yêu cầu gì nên không xem xét;

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 28G1-154.xx là tài sản của chị Bùi Thị D, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị D, chị D không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với chiếc tuốc nơ vít các bị cáo dùng vào việc phạm tội, bị cáo Tr đã vứt lại trên đường khi đang bỏ trốn, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xem xét.

Đối với 02 chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng nhắn tin cho nhau khi thực hiện hành vi trộm cắp cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại quần áo đã thu giữ của các bị cáo .

Đối với chiếc xe mô tô LONCIN không biển kiểm soát, qua xác minh đã xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ cần trả lại cho chủ sở hữu.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Tr và Phùng Xuân T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Tr 10 (mười) tháng tù, tổng hợp hình phạt 21 (hai mươi một) tháng tù, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ, tổng hợp hình phạt bổ sung phạt tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước tại bản án số 85/2018/HS-ST ngày 09/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Nguyễn Đức Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 31 (ba mươi một) tháng tù, được trừ 09 (chín) ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 30 (ba mươi) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù, thời hạn tính từ ngày 06/8/2018. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt bổ sung phạt tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Phùng Xuân T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 06/8/2018.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu xuất hủy 01 ổ khóa điện xe mô tô đã bị phá nát không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen viền đỏ nhãn hiệu WING của Phùng Xuân T, 01 điện thoại di động màu đỏ viền đen, nhãn hiệu VIETTEL của Nguyễn Đức Tr.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Tr 01 (một) quần bò màu xanh chiều dài 99cm, vòng bụng 80cm. Tại vị trí mặt trong phía sau cạp quần có chữ LEAP'S màu trắng, 01 (một) áo phông cộc tay màu đen chiều dài 73cm, chiều rộng vai áo 43cm.

- Trả lại cho bị cáo Phùng Xuân T 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh nhạt chiều dài 80cm, bề rộng vai áo 48cm, 01 (một) quần dài (dạng quần vải thô) chiều dài 104cm, vòng bụng 88cm. Tại vị trí túi quần phía trước bên trái có móc màu đen, chữ vàng MXUER.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 01 (một) xe mô tô không biển kiểm soát, nhãn hiệu LONCIN, kiểu xe Dream, màu nâu, không có cánh yếm hai bên, không có gương chiếu hậu.

Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/NQ-HQ13 ngày 31/12/2016 của Quốc hội, các bị cáo phải nộp mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND T. Hòa Bình;
- VKSND H. Lương Sơn;
- CA H. Lương Sơn;
- Chi cục THADS H. Lương Sơn;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến